

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10 /2018/HS-ST
Ngày: 02-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D – TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tín

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Thái Thị Đang;
2. Ông Trần Trục.

- Thư ký phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D – Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 123/2017/TLST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Quan Quốc T (tên gọi khác: B), sinh năm 1991; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn Xuân Đ, xã Diên X, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quan Văn T (sinh năm: 1962) và bà Trần Thị Kim H (sinh năm: 1969); chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, “có mặt”.

- Người bị hại:

1. **Anh Nguyễn Hữu L** (tên gọi khác: S) - sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn Thủy X, xã Suối H, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; “có mặt”.

2. **Anh Lê Công T** (tên gọi khác: C) - sinh năm 1995

Địa chỉ: 219 tổ 1, thôn Như X1, xã Vĩnh P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; “có mặt”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Anh Võ Hoàng N** (tên gọi khác: V) – sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn N 1, xã Diên S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; “vắng mặt”.

2. Ông **Lương Công P**, sinh năm 1986

Nơi Đăng ký nhân khẩu thường trú: T, phường Vĩnh H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Chỗ ở: Hẻm 114, phường Ngọc H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; “vắng mặt”.

- *Người làm chứng:*

1. Anh **Phạm Quốc H** - sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; “vắng mặt”.

2. Ông **Đỗ Hồng P** - sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn P, xã Diên T, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quan Quốc T là lái xe của Công ty trách nhiệm hữu hạn KV, do cần tiền tiêu xài cá nhân, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh Nguyễn Hữu L là người làm cùng công ty, mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Ngày 26/10/2017, T mượn xe mô tô biển kiểm soát 79D1-171.08 của anh L đang dựng tại nhà xe của Công ty (thuộc xã Diên A, huyện D) để đi về nhà. T điện thoại cho anh Phạm Quốc H để hỏi nơi cầm cố tài sản, H chỉ cho T đến gặp anh Võ Hoàng N. T điều khiển xe mô tô BKS 79D1-171.08 đến xã Diên Đ cầm cố cho N được 5.000.000 đồng. Khi cầm cố, T nói giấy tờ xe để quên ở nhà, T đưa cho N giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe ô tô của T. Sáng 27/10/2017, T đến Công ty gặp và nói với anh L đưa giấy chứng nhận đăng ký xe cho T đi lấy xe về vì xe mô tô của anh L đang bị Công an tạm giữ. Anh L tin là thật nên đưa giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 79D1-171.08 cho T; T mang giấy chứng nhận đăng ký xe đến đưa cho N để vay thêm 3.000.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Ngày 28/10/2017, T đến gara xe của Công Ty KV (thuộc xã Suối H, huyện D) hỏi mượn xe mô tô biển kiểm soát 79N1-357.91 của anh Lê Công T để đi về nhà. Mượn được xe, T điều khiển xuống thành phố N cầm cố cho ông Lương Công P lấy 3.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Sau đó, T tắt điện thoại di động, không đến Công ty làm việc, anh L và anh T không liên lạc được với T nên làm đơn trình báo Cơ quan Công an huyện D.

Ngày 03/11/2017, Quan Quốc T đến Công an huyện D đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình. Cơ quan Điều tra đã tạm giữ và trả lại cho người bị hại xe mô tô biển kiểm soát 79D1-171.08 và xe mô tô biển kiểm soát 79N1-357.91 do T chuộc lại và giao nộp (bị cáo T đã trả cho anh Võ Hoàng N 8.000.000 đồng và ông Lương Công P 3.000.000 đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 98, 99 ngày 24/11/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện D kết luận: Xe mô tô Sirius biển kiểm soát 79D1-171.08 có giá trị 14.300.000 đồng (Mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng); xe mô tô Sirius biển kiểm soát 79N1-357.91 có giá trị 12.100.000 đồng (Mười hai triệu một trăm nghìn đồng), tổng giá trị: 26.400.000 đồng (Hai mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 06/CT –VKS ngày 29/12/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố bị cáo Quan Quốc T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Đối với anh Phạm Quốc H là người giới thiệu cho bị cáo nơi cầm cố tài sản, anh Võ Hoàng N và ông Lương Công P là những người nhận cầm cố tài sản nhưng không biết tài sản do Quan Quốc T phạm tội mà có nên không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D vẫn giữ nguyên quyết định truy tố theo điều luật đã viện dẫn trên và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự 1999, điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015, xử phạt: bị cáo Quan Quốc T từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Bị cáo nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo hối hận về hành vi vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Hoàng N và ông Lương Công P vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại cơ quan Điều tra, chỉ liên quan đến vấn đề bồi thường nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Bị cáo Quan Quốc T khai nhận quá trình thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đúng như nội dung bản Cáo trạng mà Viện Kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, nên bản cáo trạng số 06/CT –VKS ngày 29/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D là có căn cứ, đúng pháp luật, đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài, bị cáo Quan Quốc T đã hai lần thực hiện hành vi lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản, nên thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần. Hành vi đó của bị cáo không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân mà còn làm cho tình hình trật tự tại địa phương càng trở nên phức tạp, nên cần phải xử phạt nghiêm mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường để khắc phục hậu quả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tài sản đã thu hồi và trả lại cho những người bị hại nên thuộc trường hợp phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Bị cáo chưa có tiền án và tiền sự, đầu thú, đã thực hiện xong nghĩa vụ quân sự, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông P và anh N vắng mặt tại phiên tòa nên tách yêu cầu bồi thường thành vụ án dân sự khác khi có đơn khởi kiện.

[5]. Về Vật chứng vụ án: Cơ quan Điều tra đã trả vật chứng vụ án là xe mô tô biển kiểm soát 79D1-171.08 và xe mô tô biển kiểm soát 79N1-357.91 cho người bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Bị cáo Quan Quốc T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Quan Quốc T (tên gọi khác: B) phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Quan Quốc T (tên gọi khác: B) 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Tách yêu cầu bồi thường của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thành vụ án dân sự khác khi có đơn khởi kiện.

.3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Quan Quốc T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, những người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Bị cáo, người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Huỳnh Thị Tín

- Hội thẩm nhân dân 2 (ông trực): Thống nhất như ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất như ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

Biên bản này đã được Hội Đồng xét xử thông qua tại phòng nghị án và kết thúc lúc giờ phút cùng ngày.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TOÀ ÁN NHÂN
DÂN**

Huyện Diên Khánh

TẶNH KHAUỠH HOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

D, ngày 20 tháng 9 năm 2017

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
CỦA TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D**

Vôùi Hoặi ñoàng xeùt xõu sô thaảm goàm coù:

- Thaảm phaùn - Chuû toĩa phieãn toĩa: Baø **HUYỠNH THỎ**
TÍN,

- Caùc Hoặi thaảm nhaân daân:

+ Baø **HUỠNH THỠ OANH** – Cán bộ hưu trí xã Diên Thạnh,

+ Bà **PHAN THỠ PHUỠNG** – Phó hiệu trưởng Trường tiểu học Diên Phú 2.

Căn cứ vào Điều 199 và Điều 222 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Vào Hòì 9 giờ 30 ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành nghị án đối với vụ án thụ lý số 84/2017/HSST ngày 05/9/2017: Bị cáo Trà Kim Minh Nhật bị truy tố về tội “Trộm cắp tài sản”

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về tội danh:

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Oanh):

Bị cáo Trà Kim Minh Nhật (*tên gọi khác: Bin*) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Hội thẩm nhân dân 2 (bà Phụng): Thống nhất như ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất như ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

2. Về điều luật áp dụng:

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Oanh):

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 69, khoản 1 Điều 74 của Bộ luật hình sự.

Áp dụng Điều 99, Điều 231, Điều 234 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (quy định về án phí và lệ phí Tòa án).

- Hội thẩm nhân dân 2 (bà Phụng): Thống nhất như ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất như ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

3. Về mức hình phạt:

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Oanh):

Xử phạt: Bị cáo Trà Kim Minh Nhật 04 (Bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Hội thẩm nhân dân 2 (bà Phụng): Thống nhất như ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất như ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

3. Các vấn đề khác:

* Về vật chứng vụ án:

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Oanh):

Vật chứng vụ án: Trả lại chiếc xe mô tô kiểu dáng Dream màu trắng cam, nhãn hiệu FANLIM II, số máy FMG-3Y0017467, số khung FT100Y00002503 cho ông Nguyễn Ninh. (Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29/5/2017 giữa Viện kiểm sát nhân dân huyện D và Chi cục Thi hành án dân sự huyện D).

- Hội thẩm nhân dân 2 (ông Phung): Thống nhất như ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất như ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

* Về traùch nhieãm daân sõi:

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Oanh):

Người bị hại đã nhận tiền bồi thường 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Hội thẩm nhân dân 2 (bà Phung): Thống nhất như ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất như ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

* Về án phí:

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Oanh):

Bị cáo Trà Kim Minh Nhật phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

- Hội thẩm nhân dân 2 (bà Phung): Thống nhất như ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất như ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Oanh):

Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn trên kể từ ngày niêm yết hoặc ngày nhận được bản án.

- Hội thẩm nhân dân 2 (bà Phụng): Thống nhất như ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất như ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

Biên bản này đã được Hội Đồng xét xử thông qua tại phòng nghị án và kết thúc lúc 10 giờ 00 phút ngày 20/9/2017.

**Hội thẩm nhân dân
phiên tòa**

Thẩm phán - Chủ tọa

Bị cáo Quan Quốc T, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.....có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm. Riêng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Bị cáo, người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Huỳnh Thị Tín

TAND HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

PHIẾU ĐỀ XUẤT HƯỚNG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

Vụ án thụ lý số: 123/2017/HS-ST ngày 29/12/2017, xử ngày 23/01/2018

Quan Quốc T (tên gọi khác: Bột), sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn Xuân Đ, xã Diên X, huyện D, Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quan Văn Thảo và bà Trần Thị Kim Hồng; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại.

- Người bị hại:

1. Anh **Nguyễn Hữu L** (Sang) - sinh năm 1991.
2. Anh **Lê Công T** (Chó) - sinh năm 1995

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Võ Hoàng N** (Vịt) – sinh năm 1993.
2. Anh **Lương Công P**, sinh năm 1986

- Người làm chứng:

1. Anh **Phạm Quốc H** - sinh năm 1989
2. Ông **Đỗ Hồng P** - sinh năm 1978

NỘI DUNG VỤ ÁN

Quan Quốc T là lái xe của Công ty trách nhiệm hữu hạn Khánh Vĩnh, do cần tiền tiêu xài cá nhân, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh Nguyễn Hữu L (làm cùng công ty) mang đi cầm lấy tiền tiêu xài. Ngày 26/10/2017, T mượn xe mô tô biển kiểm soát 79D1-171.08 của anh Lợi đang dựng tại nhà xe của Công ty (ở xã Diên An, D) để đi về nhà. T điện thoại cho bạn là Phạm Quốc H để hỏi nơi cầm cố tài sản, Huy chỉ cho T đến gặp anh Võ Hoàng N. T điều khiển xe mô tô BKS 79D1-171.08 đến xã Diên Diên cầm cho Nam được 5.000.000 đồng. Khi cầm cố, T nói giấy tờ xe để quên ở nhà, T đưa cho Nam giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe ô tô của T. Sáng 27/10/2017, T đến Công ty gặp và nói với anh Lợi đưa giấy chứng nhận đăng ký xe cho T đi lấy xe về vì xe mô tô của anh Lợi đang bị Công an tạm giữ. Anh Lợi tin là thật nên đưa giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 79D1-171.08 cho T;

T mang giấy chứng nhận đăng ký xe đến đưa cho Nam để vay thêm 3.000.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Ngày 28/01/2017, T đến gara xe của Công Ty Khánh Vĩnh (ở suối Hiệp, D) hỏi mượn xe mô tô biển kiểm soát 79N1-357.91 của anh Lê Công T để đi về nhà. Mượn được xe, T điều khiển xuống thành phố Nha Trang cầm cho anh Lương Công P lấy 3.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Sau đó, T tắt điện thoại di động, không đến công ty làm việc, anh Lợi và anh Toàn không liên lạc được với T nên làm đơn trình báo Cơ quan Công an huyện D.

Ngày 03/11/2017, Quan Quốc T đến Công an huyện D đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình. Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ xe mô tô biển kiểm soát 79D1-171.08. Xe mô tô biển kiểm soát 79N1-357.91, T chuộc lại, giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 98, 99 ngày 24/11/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự huyện D kết luận xe mô tô biển kiểm soát 79D1-171.08, kiểu dáng Sirius có giá trị **14.300.000 đồng**; xe mô tô 79N1-357.91, kiểu dáng Sirius có giá trị **12.100.000 đồng**.

Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố Quan Quốc T theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999..

- Người bị hại ông Lợi và ông Toàn đã nhận lại tài sản, ông Nam và ông Phúc đã nhận đủ tiền bồi thường.

NỘI DUNG ĐỀ XUẤT HƯỚNG GIẢI QUYẾT:

Điều luật áp dụng:

- Căn cứ khoản 1 Điều 139, Điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 (không có tiền án và tiền sự, đầu thú, đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự) Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo.
- Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Mức hình phạt, bồi thường thiệt hại::

Xử phạt bị cáo T: Từ 09 tháng đến 01 năm tù

Trách nhiệm dân sự: Nếu có yêu cầu bồi thường thì xem xét tại phiên tòa..

Ý kiến của Lãnh đạo

Thẩm phán

